

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày 23-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hải Tăng.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần xây dựng N.

Địa chỉ: Đường D, phường X, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Tr, Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Luật sư Nguyễn Văn H; địa chỉ: Phòng N, Toà nhà T, phố H, phường N, quận T, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 31 tháng 5 năm 2022); có mặt.

2. Bị đơn: Trung tâm Điều trị U .

Địa chỉ: Tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H, Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Giám đốc Trung tâm Điều trị U(văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 7 năm 2022); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty Cổ phần xây dựng N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Văn H trình bày: Ngày 01/12/2007 Công ty Cổ phần xây dựng N và Trung tâm Điều trị U đã ký hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/CT1-KTT và đến ngày 06/9/2011 đã ký tiếp phụ lục hợp đồng kinh tế số 0158/PLHĐKT, theo nội dung hợp đồng và phụ lục hợp đồng thì N thực hiện thi công xây dựng, lắp đặt gói thầu số 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giai đoạn 2 – Trung tâm Điều trị U. Toàn bộ các hạng mục thuộc gói thầu N thi công đã được Trung tâm Điều trị U nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2009. Ngày 15/6/2013 Trung tâm Điều trị U xác nhận tổng giá trị quyết toán cho N là 20.778.182.000 đồng và số tiền mà Trung tâm đã thanh toán cho N là 19.065.289.000đ (mười chín tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng). Số tiền còn lại mà Trung tâm chưa thanh toán cho N là 1.712.893.000đ (một tỷ bảy trăm mười hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng). Từ đó đến nay đã rất nhiều lần N gửi công văn yêu cầu thanh toán nốt số tiền nêu trên nhưng Trung tâm không thanh toán.

Nay Công ty Cổ phần xây dựng N yêu cầu Tòa án buộc Trung tâm Điều trị U phải thanh toán trả cho N số tiền nợ gốc là 1.712.893.000đ (một tỷ bảy trăm mười hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày hồ sơ quyết toán được phê duyệt 22/5/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/9/2022 là $3.046 \text{ ngày} \times 10\% \text{ năm} = 1.429.444.405\text{đ}$ (một tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm linh năm đồng).

Bị đơn là Trung tâm Điều trị U do ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền trong quá trình tố tụng đã khai, xác nhận việc ký kết hợp đồng kinh tế và phụ lục hợp đồng với N, số tiền đã thanh toán và số tiền còn nợ chưa thanh toán là 1.712.893.000 đồng đúng như N đã trình bày tại Tòa án. Quan điểm của bị đơn đề nghị nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện để chờ bị đơn hoàn thiện thủ tục báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp bổ sung kinh phí để thanh toán nốt khoản nợ nêu trên. Đối với khoản tiền lãi thì bị đơn không nhất trí như nguyên đơn yêu cầu. Nếu nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện thì bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 274, 275, 280, 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 112, 113, 138, 146, 147 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N. Buộc Trung tâm Điều trị U phải trả cho N số tiền còn nợ là 1.712.893.000 đồng và tiền lãi là 1.429.444.405 đồng. Về án phí: Trung tâm Điều trị U phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 94.846.748 đồng. Hoàn lại cho N số tiền 31.693.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000136.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án phát sinh từ giao dịch dân sự theo hợp đồng kinh tế (hợp đồng xây dựng) giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; bị đơn có địa chỉ tại tổ V, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần xây dựng N đối với Trung tâm Điều trị U, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 01/12/2007 N và Trung tâm U đã ký hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT/CT1-KTT và

đến ngày 06/9/2011 đã ký tiếp phụ lục hợp đồng kinh tế số 0158/PLHĐKT với nội dung N thực hiện thi công xây dựng, lắp đặt gói thầu số 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình giai đoạn 2 Trung tâm U. Hợp đồng xây dựng được các bên giao kết trên cơ sở thỏa thuận và tự nguyện, nội dung, hình thức hợp đồng không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hoàn toàn hợp pháp. Toàn bộ các hạng mục thuộc gói thầu N thi công đã được Trung tâm Điều trị U nghiệm thu hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2009. Ngày 15/6/2013 Trung tâm Điều trị U xác nhận tổng giá trị quyết toán cho N là 20.778.182.000 đồng và số tiền mà Trung tâm đã thanh toán cho Công ty N là 19.065.289.000 đồng, số tiền còn lại mà Trung tâm chưa thanh toán cho Công ty N là 1.712.893.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng do Trung tâm Điều trị U không thực hiện việc trả nợ đầy đủ, vi phạm nghĩa vụ của bên phải thanh toán nên phải chịu trách nhiệm dân sự đối với nghĩa vụ thanh toán trả khoản tiền còn nợ theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng và trong hồ sơ quyết toán đã được phê duyệt. Do N đã nhiều lần yêu cầu Trung tâm Điều trị U phải thanh toán trả nốt khoản nợ nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết tranh chấp nguyên đơn không chấp nhận đề nghị của bị đơn về việc rút yêu cầu khởi kiện; bị đơn mặc dù thừa nhận còn nợ số tiền đúng như nguyên đơn yêu cầu nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã được cơ quan có thẩm quyền cấp bổ sung kinh phí để trả nợ cho nguyên đơn. Do đó, xét yêu cầu của N buộc Trung tâm Điều trị U phải thanh toán ngay khoản nợ còn thiếu là 1.712.893.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày hồ sơ quyết toán được phê duyệt 22/5/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.429.444.405 đồng, tổng cộng là 3.142.337.405 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 274, 275, 280, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và các Điều 112, 113, 138, 146, 147 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ về tài sản phải thanh toán cho bên được thi hành án, cụ thể như sau: $3.142.337.405 \text{ đồng} = 72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \text{ của phần giá trị tranh chấp vượt quá } 2.000.000.000 \text{ đồng}$ là $3.142.337.405 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng} = 1.142.337.405 \text{ đồng} \times 2\% = 22.846.748 \text{ đồng}$. Như vậy, Trung tâm Điều trị U phải chịu tiền án phí là $72.000.000 \text{ đồng} + 22.846.748 \text{ đồng} = 94.846.748 \text{ đồng}$ (làm tròn thành 94.846.000 đồng). Nguyên đơn được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo quy định tại các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 274, 275, 280, 357, 468, 688 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 112, 113, 138, 146, 147 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần xây dựng N. Buộc Trung tâm Điều trị U phải thanh toán, trả cho Công ty Cổ phần xây dựng N số tiền còn nợ là 1.712.893.000 đồng và khoản tiền lãi là 1.429.444.405 đồng, tổng cộng là 3.142.337.405đ (ba tỷ một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm linh năm đồng).

2. Về án phí: Trung tâm Điều trị U phải chịu 94.846.000đ (chín mươi tư triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty Cổ phần xây dựng N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 31.693.000đ (ba mươi một triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000136 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS H. Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thọ

Bùi Thị Nguyệt

